

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt cổ phiếu nhóm dầu khí và hóa chất

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm mạnh vào cuối phiên trước lực bán gia tăng vào cuối phiên tại thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

FMC, TNG

[Cập nhật công ty]

BSR

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể kê mua trở lại quanh vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu.

06/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,290.01	+0.16
VN30	1,327.04	-0.03
HĐTL VN30F1M	1,315.00	-0.27
HNXIndex	306.81	-1.18
HNX30	558.64	-1.76
UPCoM	93.90	-0.29
USD/VND	23,197	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.14	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+21
Dầu (WTI, \$)	119.25	+0.32
Vàng (LME, \$)	1,851.59	+0.02

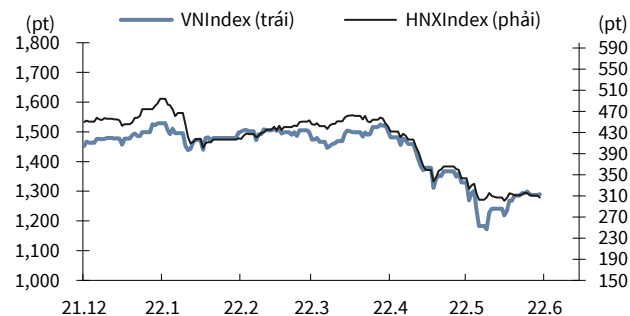


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,290.01 (+0.16%)
KLGD (triệu CP)	589.9 (+45.5%)
GTGD (triệu US\$)	730.4 (+31.2%)
HNXIndex	306.81 (-1.18%)
KLGD (triệu CP)	85.9 (+3.0%)
GTGD (triệu US\$)	73.7 (+11.9%)
UPCoM	93.90 (-0.29%)
KLGD (triệu CP)	76.5 (+15.7%)
GTGD (triệu US\$)	74.9 (+75.2%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	+8.1

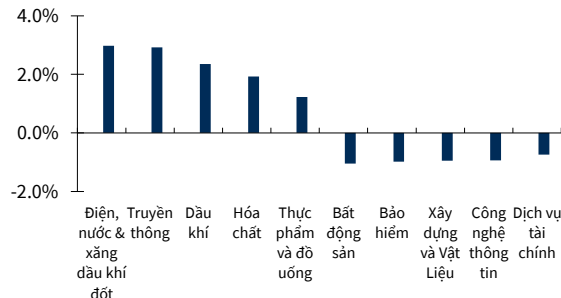
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt cổ phiếu nhóm dầu khí và hóa chất. Giá dầu tiếp tục tăng sau khi Saudi Arabia cho biết tăng giá bán dầu thô sang châu Á trong tháng 7, báo hiệu nguồn cung thắt chặt ngay cả sau khi OPEC + đồng ý đẩy nhanh việc tăng sản lượng trong hai tháng tới khiến cổ phiếu nhóm dầu khí tăng tích cực hơn thị trường chung ở BSR (+10.1%), PVS (+1%). Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho biết tổng dư nợ đối với lĩnh vực bất động sản của các tổ chức tín dụng đạt hơn 2.288 triệu tỉ đồng (+10.19% YoY), chiếm tỷ trọng 20.44% tổng dư nợ nền kinh tế, trong đó, tỷ lệ nợ xấu là 1.62%, khoảng 37,000 tỉ đồng và NHNN sẽ tiếp tục chỉ đạo tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó có đầu tư, kinh doanh bất động sản tác động tiêu cực đến cổ phiếu BĐS như DXG (-7%), DIG (-7%), NVL (-1.5%). Cổ phiếu hàng không tăng giá ở VJC (+0.5%) sau khi Cục Hàng không Việt Nam dự kiến năm 2022 các cảng hàng không trên cả nước sẽ đón khoảng 87.8 triệu lượt khách (+190% YoY), trong đó khách quốc tế dự kiến đạt khoảng 5 triệu lượt, tăng 844% và khách nội địa đạt khoảng 82.8 triệu lượt, tăng hơn 178%. Khối ngoại mua ròng ở DPM (+5.6%), DCM (+6.3%), FUEVFVND (-0.4%).

VNIndex & HNXIndex



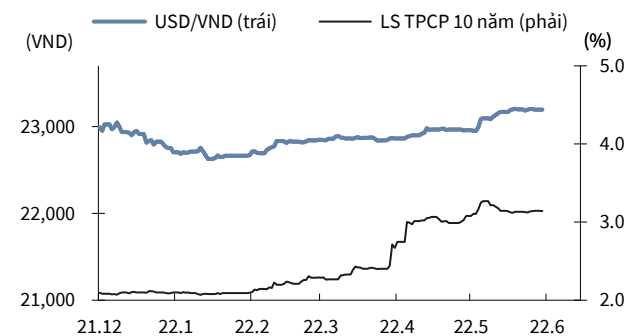
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



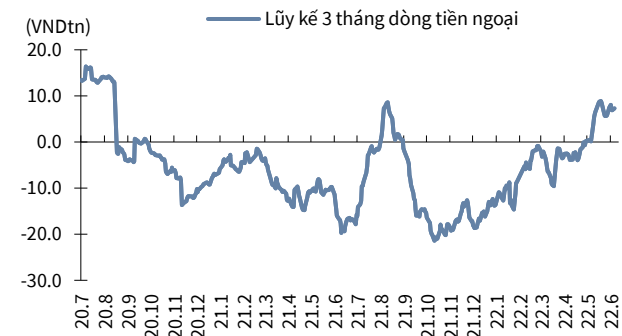
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



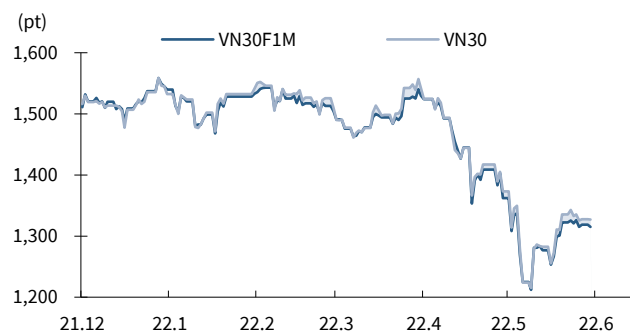
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,327.04 (-0.03%)
VN30F1M	1,315.0 (-0.27%)
Mở cửa	1,320.7
Cao nhất	1,332.0
Thấp nhất	1,315.0
KLGD (HĐ)	230,810 (-1.4%)

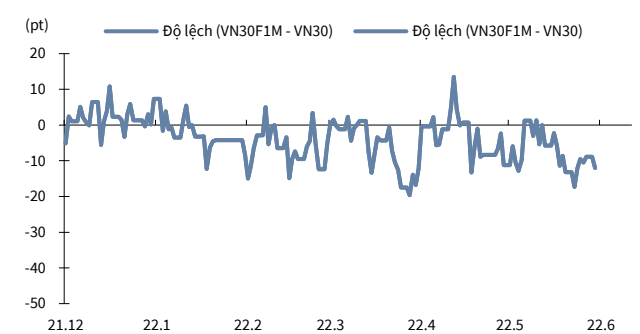
Các HĐTL giảm mạnh vào cuối phiên trước lực bán gia tăng vào cuối phiên tại thị trường cơ sở. F2206 tiếp tục giao dịch thấp hơn chỉ số VN30 tạo ra mức chênh lệch âm trong suốt phiên giao dịch và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại mức -12.04 điểm cho thấy tâm lý thận trọng của bên mua. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tiếp tục giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



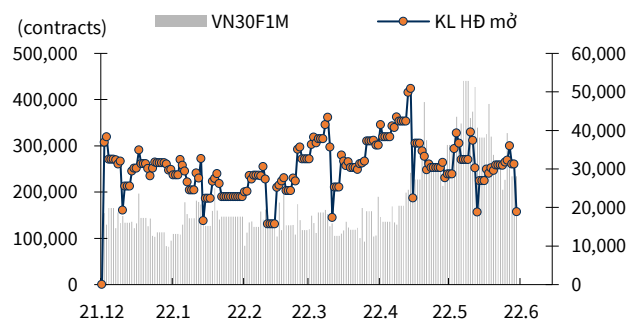
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



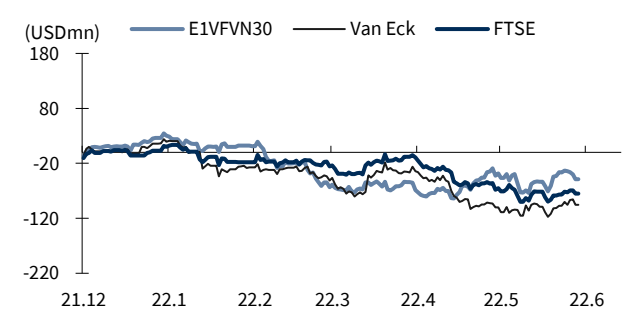
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

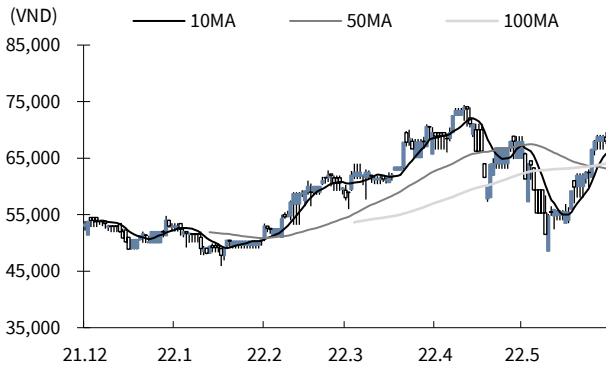
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

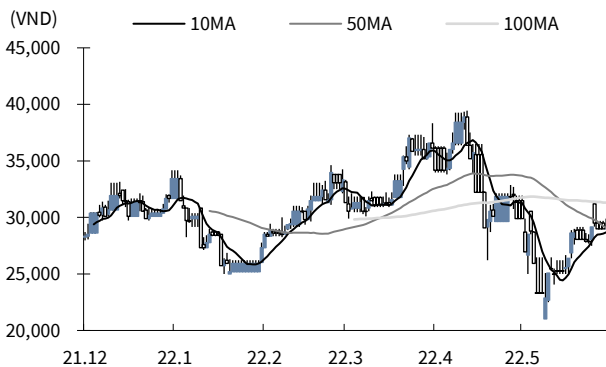


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 1.16% xuống 68,000 VND/cp

- CTCP thực phẩm Sao Ta công bố đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Thuận thông qua nhận chuyển nhượng vốn góp từ các cổ đông hiện hữu qua 2 giai đoạn với tổng giá trị đầu tư 200 tỷ đồng nhằm mở rộng thêm 203 ha đất nuôi tôm để chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, giai đoạn 1, doanh nghiệp chi 90 tỷ đồng để mua 95.24% vốn Vĩnh Thuận và góp thêm 90 tỷ đồng để tăng vốn, giai đoạn 2 doanh nghiệp chi 20 tỷ đồng để hoàn tất sở hữu 100% vốn Vĩnh Thuận.

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG tăng 0.69% lên 29,200 VND/cp

- Dệt may TNG công bố doanh thu tiêu thụ tháng 5 đạt 666 tỷ đồng (+42% YoY), tăng 21% so với tháng 4. Lũy kế 5 tháng, doanh thu tiêu thụ đạt 2,479 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện 41% kế hoạch năm. TNG đã thông ngày 3/6 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức tiền mặt 4% và cổ phiếu 8%.

06/06/2022

CTCP Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)

Động lực từ giá Crack spread duy trì ở mức cao

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtp@kbsec.com.vn

Doanh thu và LNST Quý 1/2022 tăng trưởng mạnh 65.2% YoY và 25.1% YoY

Trong Quý 1/2022, BSR ghi nhận doanh thu thuần đạt 34,783 tỷ VNĐ (+65.2 % YoY) và LNST đạt 2,312 tỷ VNĐ (+25.1% YoY). Sản lượng tiêu thụ Quý 1/2022 của BSR đi ngang, đạt 1,594 nghìn tấn (+2.4% YoY). Tuy nhiên, giá bán của BSR đã ghi nhận đà tăng tích cực theo giá dầu Brent, kết thúc Quý 1/2022 giá Brent đạt trung bình 97.9 USD/thùng (+59.7% YoY) dẫn tới sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu của BSR.

Crack spread tiếp tục duy trì ở mức cao tác động trực tiếp tới doanh thu và lợi nhuận của BSR

Chúng tôi cho rằng crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao do căng thẳng từ chiến tranh Nga – Ukraine và áp lực cấm vận từ các nước phương Tây đã khiến nguồn cung dầu thô từ Nga sang các nhà máy lọc dầu châu Âu bị gián đoạn, dẫn tới việc thâm hụt nguồn cung các mặt hàng xăng dầu thành phẩm. Bên cạnh đó, một ông lớn trong ngành dầu khí nói chung và lọc hoá dầu nói riêng là Trung Quốc đang thực hiện chính sách “Zero-Covid”, kéo theo đó là nhu cầu và cả nguồn cung hạn chế từ các nhà máy lọc dầu của nước này. Do đó, chúng tôi tin rằng crack spread của các sản phẩm lọc dầu trên thế giới sẽ tiếp tục duy trì mức cao cho tới hết năm 2022 khi tình trạng thiếu hụt công suất lọc dầu và nguồn cung dầu sản phẩm dần được giải quyết.

Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư

Chúng tôi kỳ vọng trong năm 2022 Dung Quất sẽ vận hành ổn định, với hiệu suất 108% trong năm 2022 do không phải thực hiện đại tu (BSR đại tu 3 năm/lần với khoảng thời gian 50 – 52 ngày, đợt gần nhất là năm 2020) và bù đắp sản lượng thiếu hụt do NMLD Nghi Sơn giảm công suất.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 38,200 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá DCF, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BSR. Giá mục tiêu là 38,200 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 38.4% so với giá tại ngày 03/06/2022.

Mua

Giá mục tiêu VNĐ 38,200

Tăng/giảm (%)	38.4%
Giá hiện tại (03/06/2022)	VND27,600
Giá mục tiêu thị trường	VND31,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	85,574

Dự phóng KQKD & định giá

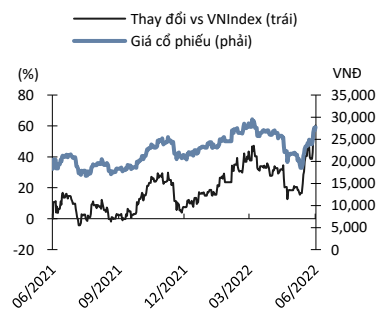
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	57,959	101,079	148,917	116,418
EBIT	(3,046)	6,545	12,979	10,628
LN sau CĐTS	(2,819)	6,705	12,857	10,295
EPS (VNĐ)	(909)	2,162	4,147	3,320
Thay đổi EPS (%)	-201.2	-337.8	92.0	-20.0
P/E (x)	-10.7	10.5	9.2	11.5
EV/EBITDA (x)	-61.3	7.3	7.1	8.1
P/B (x)	1.0	1.9	2.5	2.2
ROE (%)	-9.2	17.8	26.9	19.1
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	2.6	3.9

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	7.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	217.33
Sở hữu nước ngoài (%)	0.0%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (92.1%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
BSR	24.9	-5.2	26.6	48.1
VNINDEX	32.5	9.2	45.6	56.8

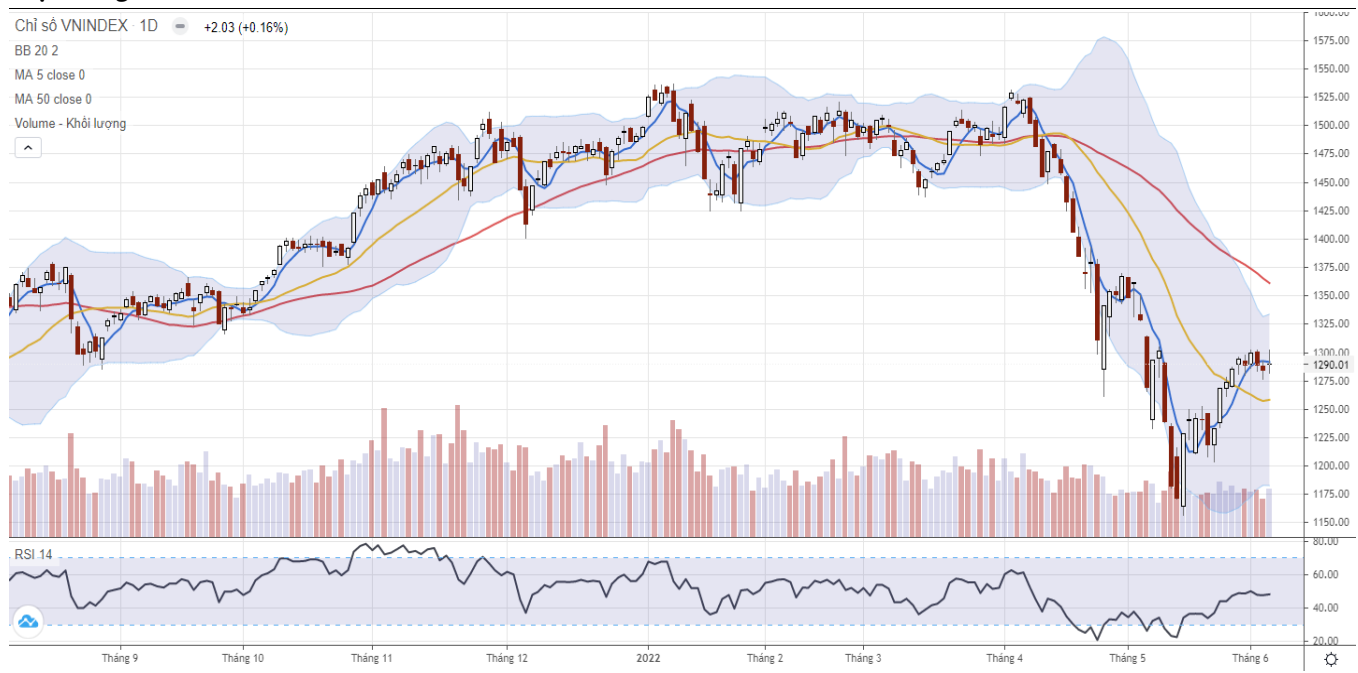


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

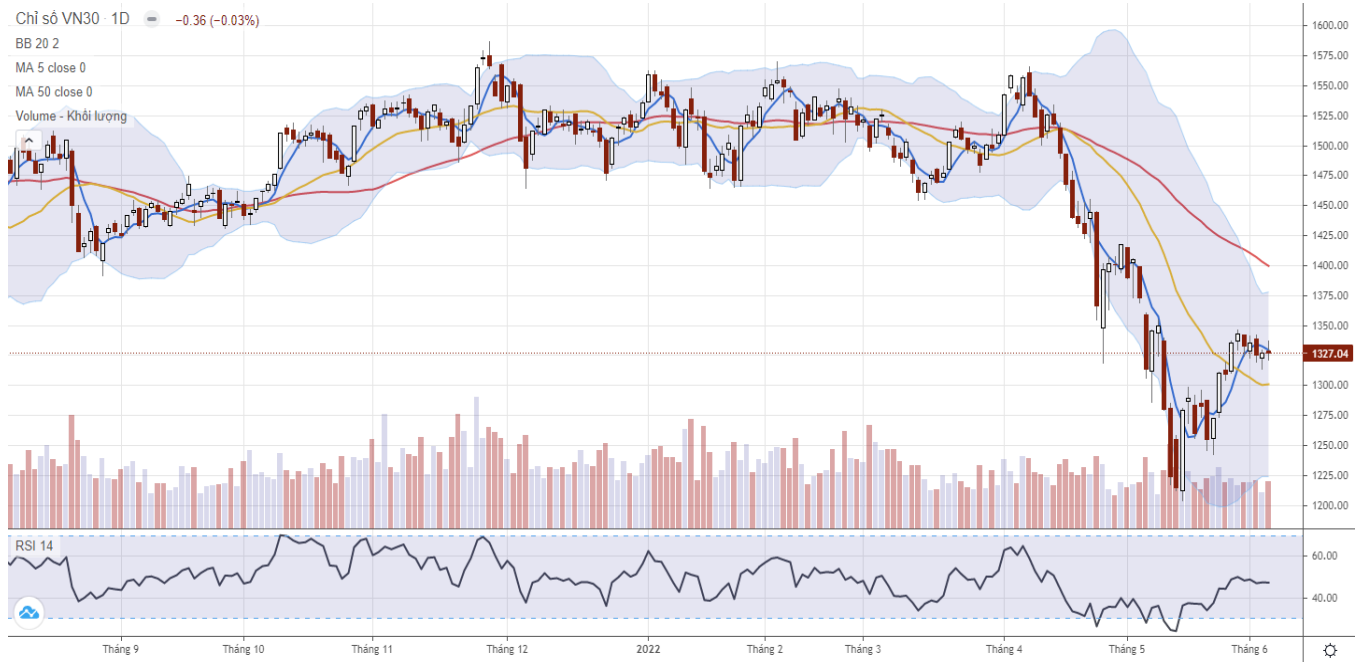
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm tích cực trong phiên trước khi suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên
- Áp lực phân phối gia tăng quanh vùng kháng cự gần 1300 khiến cho đà tăng điểm của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex đang phải đối mặt với rủi ro điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1260 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.
- NĐT được khuyến nghị có thể kê mua trở lại quanh vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1332 - 1335

Kháng cự gần: 1320 - 1323

Hỗ trợ gần: 1300 - 1303

Hỗ trợ xa: 1288 - 1293

- F1 tăng điểm tích cực trong phiên trước khi suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh vùng kháng cự gần 1330 khiến cho đà tăng điểm của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Trong kịch bản tiêu cực, F1 đang phải đối mặt với rủi ro điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1300 và sâu hơn là 128x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Short đã mở và chốt lời từng phần khi chỉ số về lại các vùng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

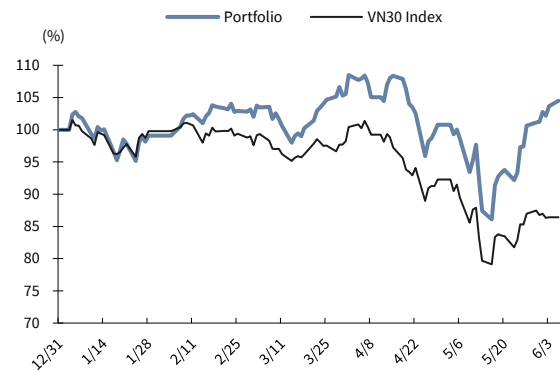
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.03%	0.82%
Tăng lũy kế (YTD)	-13.59%	4.49%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	154,700	1.0%	100.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	67,500	5.6%	11.9%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	125,000	1.5%	63.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	170,000	0.6%	-11.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	91,800	-1.3%	210.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	113,000	-0.9%	288.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,200	-0.7%	43.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	129,900	4.6%	77.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	33,300	-0.3%	130.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	43,750	-1.9%	219.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DPM	5.6%	14.6%	198.9
DCM	6.3%	9.6%	109.4
FUEVFNVD	-0.4%	98.8%	92.2
MSN	3.7%	28.7%	45.5
CTG	-0.7%	26.1%	43.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.3%	21.1%	-130.8
STB	-3.1%	20.7%	-108.4
GMD	2.2%	45.1%	-93.3
DXG	-7.0%	30.4%	-94.5
NVL	-1.6%	6.3%	-39.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.7%	2.1%	2.0
NVB	1.4%	12.3%	0.5
KLF	-7.7%	0.4%	0.4
IDC	-4.9%	1.5%	0.4
TA9	2.6%	13.8%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.0%	9.2%	-38.7
THD	-2.4%	1.4%	-3.3
PLC	-2.0%	1.7%	-1.6
PTI	-9.6%	38.3%	-1.0
HUT	-2.9%	0.6%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6%	GAS, VSH
Truyền thông	8.5%	YEG, PNC
Hóa chất	6.9%	DGC, DCM
Bán lẻ	5.6%	MWG, FRT
Dầu khí	3.2%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-5.7%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	-4.6%	HVN, VJC
Ô tô và phụ tùng	-3.9%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-3.2%	VND, SSI
Ngân hàng	-2.4%	BID, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.2%	GAS, POW
Công nghệ thông tin	16.7%	FPT, ICT
Truyền thông	13.3%	YEG, PNC
Bán lẻ	11.7%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	11.0%	PNJ, TLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-14.0%	HPG, HSG
Bảo hiểm	-7.5%	BVH, BIC
Y tế	-2.9%	DHG, TRA
Du lịch và Giải trí	-1.6%	HVN, DAH
Ô tô và phụ tùng	-1.3%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	163,549 (7.1)	22.5	266.4	94.0	14.7	1.0	3.0	2.9	2.8	-0.4	0.0	-1.6	-17.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	248,614 (10.8)	26.6	9.3	7.9	35.9	23.4	22.3	2.0	1.7	-0.1	-1.7	0.9	-15.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	96,816 (4.2)	17.8	30.2	19.4	-7.6	7.3	10.7	2.1	2.0	0.0	0.0	1.2	-0.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	215,610 (9.3)	31.3	27.1	21.2	6.7	15.1	16.6	3.7	3.2	-1.5	-3.0	-5.6	-16.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	43,603 (1.9)	11.6	19.6	16.1	13.7	13.1	14.0	2.3	2.1	-0.4	-4.1	-	-20.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	251,307 (10.9)	13.9	12.1	11.7	-	13.9	12.2	1.4	1.3	-7.0	-	17.6	28.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	77,899 (3.4)	6.3	14.7	11.9	11.7	20.7	22.1	2.7	2.4	2.8	2.2	0.4	1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	41,196 (1.8)	12.7	12.9	10.4	-5.3	16.2	17.6	1.8	1.5	-0.4	-4.3	-7.6	-7.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	243,503 (10.5)	0.0	6.0	5.0	14.3	20.4	19.4	1.1	0.9	-1.1	-4.5	-	-27.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	128,244 (5.5)	1.4	6.9	5.6	50.3	18.2	21.8	1.2	1.0	-0.7	-0.4	0.7	-19.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	362,159 (15.7)	0.0	7.0	6.9	18.8	20.8	16.8	1.3	1.1	-0.5	-3.2	-	-14.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	215,871 (9.3)	0.0	6.6	5.3	14.6	24.4	22.8	1.4	1.1	-0.5	-3.0	-2.7	-5.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	61,108 (2.6)	4.2	6.9	6.0	23.3	22.2	20.6	1.4	1.2	-0.4	-2.1	5.2	-18.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	434,181 (18.8)	14.0	9.2	7.7	26.5	12.0	16.4	1.0	0.9	-3.1	-	-	-34.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	97,152 (4.2)	0.0	7.5	6.0	37.4	22.4	22.5	1.5	1.2	-3.6	-7.0	-8.6	-25.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,980 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.2	-7.5	6.3	-6.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	92,553 (4.0)	21.0	16.9	13.9	15.8	11.0	12.2	1.7	1.6	-0.2	1.1	-	-3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	12,733 (0.6)	14.2	15.2	12.3	9.1	13.0	15.2	1.7	1.6	2.0	-1.6	15.4	-28.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	536,136 (23.2)	55.4	11.8	12.2	-3.2	17.4	12.9	-	-	-0.9	-3.0	0.5	-44.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	161,968 (7.0)	71.9	8.7	-	-4.0	27.1	-	-	-	0.6	0.4	5.9	-45.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	101,630 (4.4)	52.4	8.3	-	-19.0	19.5	-	-	-	-1.3	-3.9	-0.2	-48.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	240,320 (10.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.0	-3.4	-	-27.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	148,356 (6.4)	42.1	16.3	14.9	4.0	28.0	28.8	4.3	4.0	0.7	-2.3	0.9	-18.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,866 (1.3)	36.9	23.2	19.3	7.3	20.0	21.4	4.3	3.8	2.1	3.3	-5.4	5.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,994 (4.9)	16.5	26.8	22.0	-51.9	18.3	19.9	4.0	3.4	3.7	6.4	0.0	-17.9
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	29,366 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-7.6	-	-50.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,057 (3.7)	11.0	56.2	-	-88.5	7.7	-	-	-	0.5	-3.7	-0.3	-0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	166,238 (7.2)	10.8	22.8	18.2	-57.0	12.6	13.5	2.6	2.4	2.2	5.7	6.6	26.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	115,465 (5.0)	38.4	7.0	34.1	65.7	14.1	2.6	0.9	0.9	-5.4	-8.5	-2.9	-56.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	42,358 (1.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.7	-	-	-75.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	263,340 (11.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.3	-	-	-46.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	31,378 (1.4)	3.6	48.1	11.6	-52.4	1.3	4.5	-	-	-0.2	13.0	7.5	-47.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	114,482 (4.9)	0.0	14.7	13.2	-4.5	15.5	14.1	2.6	2.2	-1.3	-3.1	22.8	52.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	115,486 (5.0)	46.1	20.2	19.6	-17.5	22.6	21.2	4.5	4.1	4.6	18.1	18.3	35.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	18,393 (0.8)	31.4	12.6	10.6	-10.5	14.9	16.1	1.6	1.5	6.8	10.1	11.8	-4.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,415 (0.1)	34.1	19.3	10.5	-5.1	6.7	11.9	-	-	2.7	5.9	0.3	-22.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	799,687 (34.6)	18.0	5.0	5.0	21.9	31.8	23.7	1.3	1.0	-0.3	-6.1	-	-28.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	298,111 (12.9)	36.5	6.8	10.6	-0.5	36.1	19.2	1.9	1.8	5.6	19.5	6.0	35.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	213,190 (9.2)	46.5	8.2	11.7	-4.5	35.7	20.6	2.4	2.2	6.3	24.1	20.8	17.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	182,377 (7.9)	38.9	3.5	4.3	67.9	29.2	18.5	0.8	0.7	-2.7	-6.7	17.3	-42.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	48,606 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.6	-3.9	-4.7	-39.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	61,476 (2.7)	4.6	21.4	16.8	-51.0	10.8	12.3	-	-	3.2	3.5	-2.0	-16.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	164,729 (7.1)	39.9	42.4	21.2	-11.9	1.9	4.1	0.8	0.8	-1.7	1.8	18.3	-8.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	72,746 (3.1)	35.9	9.4	8.8	2.2	14.6	14.4	1.3	1.3	0.9	5.6	13.5	-9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	195,555 (8.5)	0.0	17.7	14.9	14.4	28.3	29.0	4.7	4.3	1.0	6.5	5.5	13.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	117,957 (5.1)	0.0	20.4	16.0	2.4	22.3	22.2	3.6	3.0	1.5	3.7	17.4	29.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	7,820 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	31.7	34.0	-10.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	141,804 (6.1)	30.3	19.1	16.8	-75.2	29.8	26.0	-	-	-0.7	3.4	-4.7	35.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,156 (1.2)	34.6	9.6	11.3	41.2	33.5	22.9	2.7	2.1	1.5	6.2	4.5	-3.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,407 (0.1)	45.4	13.9	12.8	10.7	22.3	21.7	2.8	2.5	-0.8	-2.6	-9.6	-19.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	239,507 (10.4)	0.0	22.5	16.6	15.5	26.3	28.2	4.9	4.0	-0.9	1.5	12.8	21.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.